

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **236/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-5-2019.

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 709/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978, địa chỉ: 103/2 ấp An Hội B, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.
2. *Bị đơn:*Anh Võ Văn Ph, sinh năm: 1978, địa chỉ: Số 97/2 ấp Thanh An, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Võ Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được

Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/9/2007. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau khi chị mang thai thì hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh Ph bỏ mẹ con chị đi từ năm 2009, từ đó đến nay anh Ph không một lần về nhà thăm mẹ con chị. Vào năm 2018 chị đã có lần khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ph nhưng vì thương chồng, con và anh Ph có yêu cầu được đoàn tụ nên chị đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng sau đó anh Ph vẫn không về chung sống với mẹ con chị. Chị cảm thấy anh Ph không còn yêu thương chị, thời gian sống ly thân giữa chị và anh Ph quá lâu, không có khả năng đoàn tụ. Nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph, chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn; chị yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 17/11/2008, chị không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng anh Võ Văn Ph vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Võ Văn Ph không đến tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét;

Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 17/11/2008. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn anh Võ Văn Ph có nơi cư trú tại 97/2 ấp Thạnh An, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Anh Võ Văn Ph đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh Ph vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Ph theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc ép buộc. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh Ph có thời gian sống hạnh phúc không lâu thì đã phát sinh mâu thuẫn, anh Ph đã bỏ nhà đi từ năm 2009 đến nay; chị T và anh Ph có thời gian sống ly thân rất dài và trong khoảng thời gian này chị T đã tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Ph vẫn không về chung sống với mẹ con chị. Điều này cho thấy anh Ph cũng không mong muốn đoàn tụ. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 07/3/2019 của Tòa án đối với bà Huỳnh Thị Phận là mẹ ruột của anh Võ Văn Ph thì bà Phận cho biết: Mâu thuẫn giữa chị T và anh Ph là có thật, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T và anh Ph là do sau khi cưới nhau chị T không chịu về nhà bà làm dâu mà yêu cầu anh Ph phải ở rể bên nhà vợ nên anh Ph không đồng ý dẫn đến mâu thuẫn, chị T và anh Ph sống ly thân từ lúc chị T sinh cháu Đình Trí cho đến nay. Bà Phận cho biết, khi nhận được các văn bản do Tòa án giao cho anh Ph bà có chuyển giao lại cho anh Ph đầy đủ như đã cam kết nhưng trong suốt quá trình tố tụng anh Ph không đến theo nội dung Tòa án đã thông báo và triệu tập cũng như anh Ph không đến để tham gia phiên Tòa xét xử sơ thẩm. Điều đó chứng tỏ anh Ph không mong muốn đoàn tụ với chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Ph đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ph là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Chị T và anh Ph có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Tr,

sinh ngày 17/11/2008, Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc chị T và anh Ph sống ly thân cho đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đình Tr và đồng thời cháu Đình Tr có nguyện vọng muốn sống với chị T. Do đó, việc chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị T phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị T được ly hôn với anh Võ Văn Ph. Chị T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 17/11/2008 (theo nguyện vọng cháu Đình Tr). Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Ph vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở vì lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2019), đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân xã Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân

